

Bản án số: 694/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2024

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1118/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P T, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số 67, đường L, phường B, quận B, Thành phố H. (có yêu cầu vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn V T, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số 964/51, đường T, phường B, quận B, Thành phố H;

Đang chấp hành án tại Phân trại 5, Trại giam T. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21/8/2023 và bản tự khai ngày 17/11/2023, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P T trình bày: Bà và Ông Nguyễn V T có thời gian quen biết, tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/01/2015; vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do ông T tụ tập nhậu nhẹt, ăn chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc gia đình; tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T khai vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Đ Y, sinh ngày 10/9/2020; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung; không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2024, Ông Nguyễn V T trình bày đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thị P T; về con chung, đồng ý giao con cho Bà T nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn V T; bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P T và bị đơn Ông Nguyễn V T cùng có Đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt Bà T và ông T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P T và Ông Nguyễn V T kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/01/2015 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông T là hợp pháp;

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do ông T tụ tập nhậu nhẹt, ăn chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc gia đình; tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T; bản thân ông T cũng có lời khai đồng ý ly hôn với Bà T.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của Bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho Bà T được ly hôn với ông T, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Thùy khai vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Đ Y, sinh ngày 10/9/2020;

Xét, Bà T có yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu này của Bà T được ông T đồng ý vì vậy cần chấp nhận cho Bà T được trực tiếp nuôi dạy con chung là Nguyễn Hoàng Đ Y, sinh ngày 10/9/2020.

Bà T không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T khai thống nhất không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị P T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P T được ly hôn với Ông Nguyễn V T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Đ Y, sinh ngày 10/9/2020; Ông Nguyễn V T không phải cấp dưỡng để nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T khai thống nhất không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026507 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN BÌNH TÂN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 10 tháng năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch;

Bà Nguyễn Thị Thanh Dân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 1101/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 67, đường Lô Tư, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. *Bì đơn*: Ông Nguyễn V T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: số 964/51, đường Tân Kỳ Tân Quý, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đang chấp hành án tại Phân trại 5, Trại giam Thủ Đức. (có yêu cầu vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 3/3.

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị P T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P T được ly hôn với Ông Nguyễn V T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Đ Y, sinh ngày 10/9/2020; Ông Nguyễn V T không phải cấp dưỡng để nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T khai thống nhất không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026507 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái